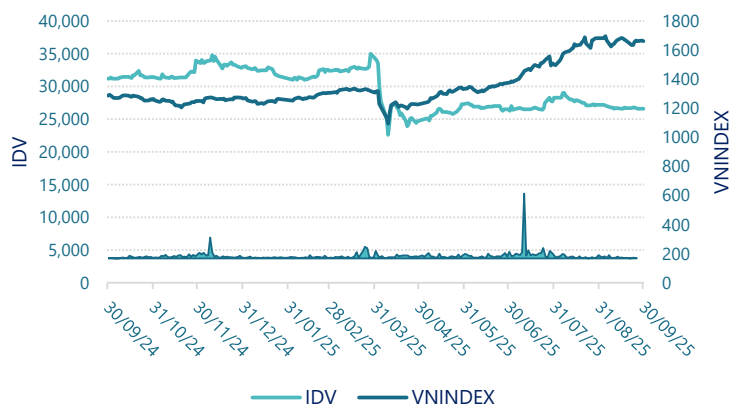


CTCP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc (HNX: IDV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	26,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	35,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	22,600
SL cổ phiếu LH	41,236,777
KLGD BQ 20 phiên (CP)	15,345
% sở hữu nước ngoài	19.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,097
P/E	8.4
EPS	3,154

DT thuần

Q3/25

98.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 70.7 | 254%

YoY: ▲ 72.3 | 276%

LN sau thuế

Q3/25

77.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 61.3 | 381%

YoY: ▲ 37.9 | 95.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

93.4%

+/- YoY: ▼ 60.5%

DT thuần

9T 2025

151

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 58.2 | 62.6%

LN sau thuế

9T 2025

106

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.00 | 3.9%

ROE

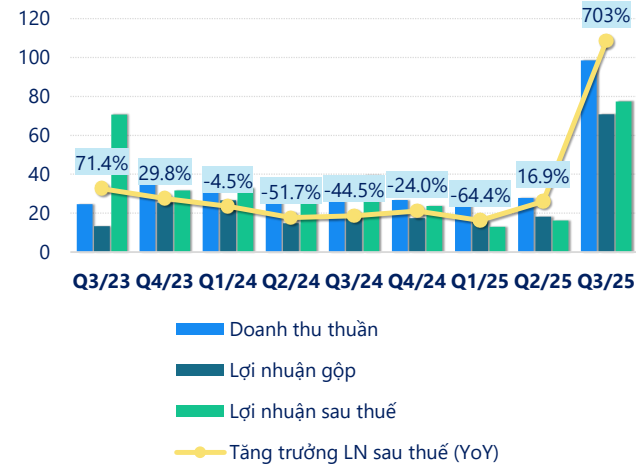
Q3/25

14.3%

+/- YoY: ▼ 1.7%

tỷ VNĐ

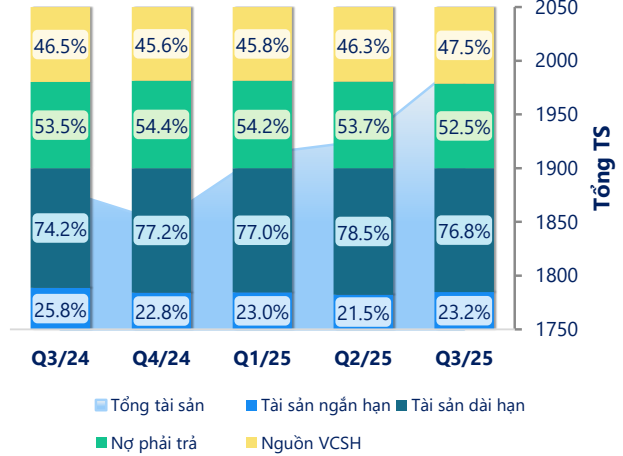
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

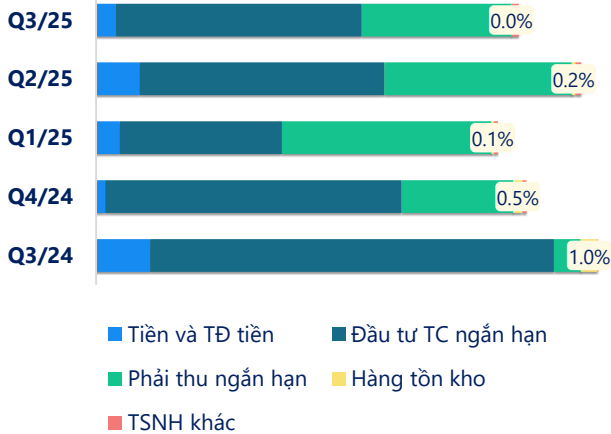
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



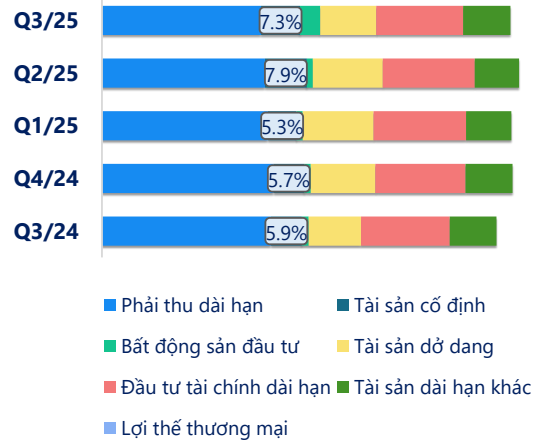
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

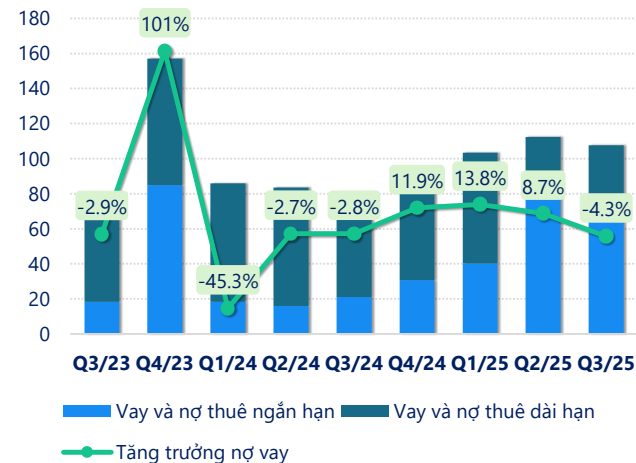
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

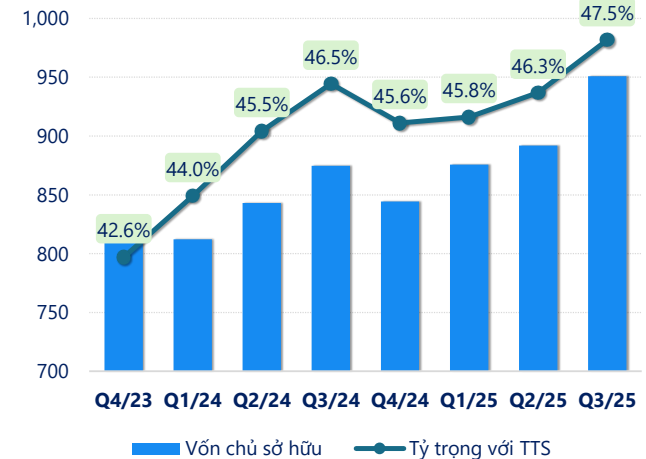
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

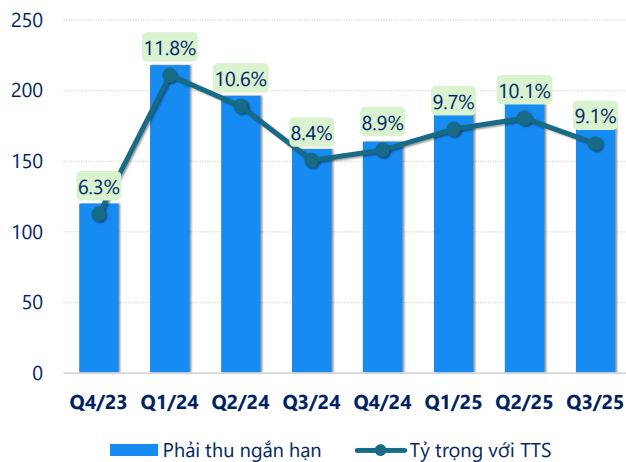
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



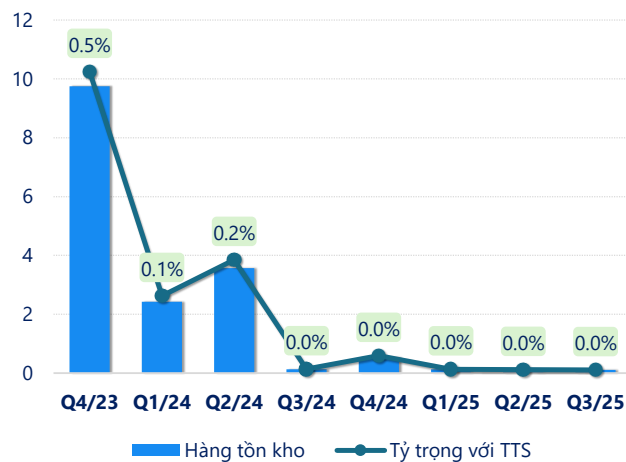
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


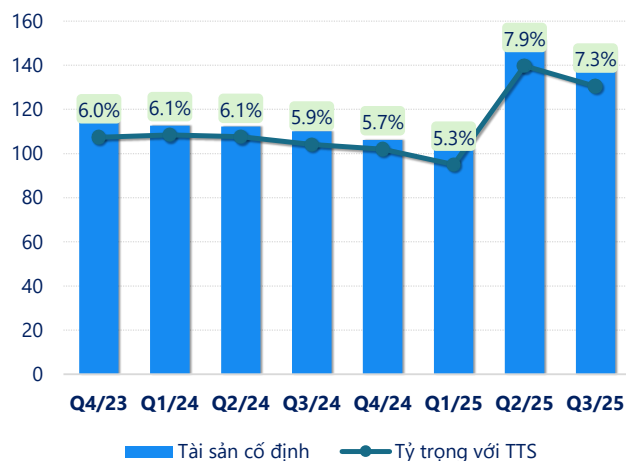
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


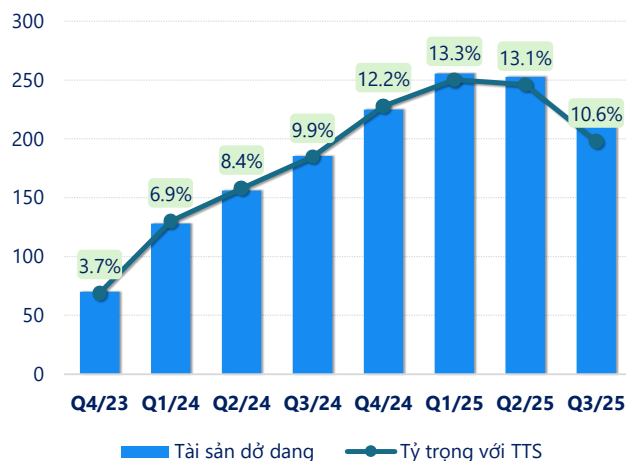
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

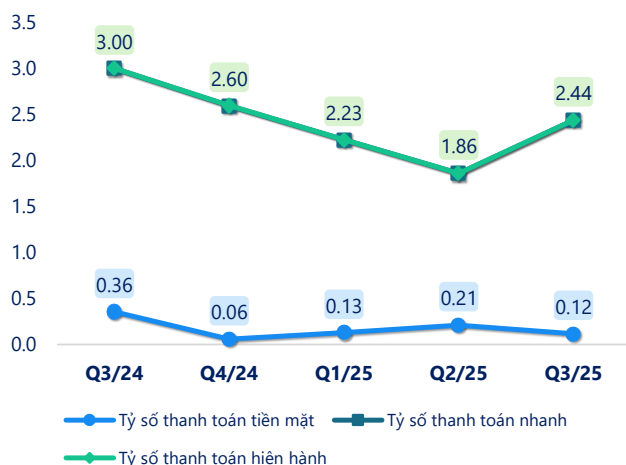
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

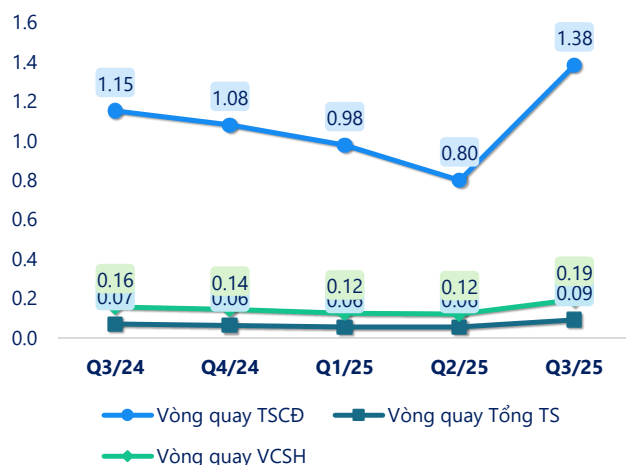
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,880	1,850	1,913	1,926	2,001
Tài sản ngắn hạn	485	421	441	415	464
Tiền và tương đương tiền	57.4	9.42	25.3	47.2	22.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	261	238	211	150	236
Phải thu ngắn hạn	159	164	185	195	182
Hàng tồn kho	0.13	0.55	0.13	0.11	0.11
Tài sản ngắn hạn khác	7.93	10.0	19.4	22.7	23.9
Tài sản dài hạn	1,395	1,429	1,473	1,511	1,537
Phải thu dài hạn	597	597	597	590	599
Tài sản cố định	110	106	102	151	147
Bất động sản đầu tư	23.7	23.3	22.8	22.4	75.9
Tài sản dở dang	185	225	255	253	211
Đầu tư tài chính dài hạn	314	314	333	333	327
Tài sản dài hạn khác	165	164	162	161	178
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,005	1,006	1,038	1,034	1,050
Nợ ngắn hạn	162	162	198	223	190
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.1	30.8	40.3	78.2	74.0
Phải trả người bán ngắn hạn	2.97	6.72	4.78	2.18	5.27
Nợ dài hạn	844	844	840	811	860
Vay và nợ thuê dài hạn	60.1	60.1	63.2	34.2	33.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	875	844	876	892	951
Vốn chủ sở hữu	875	844	876	892	951
Vốn điều lệ	359	359	412	412	412
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)